

Số: 315 /QĐ- SNN&PTNT

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2019
Dự án di dân tái định cư lòng hồ Yên Mỹ từ Cao trình (+18.50)m đến (+20.36)m

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THANH HÓA

Căn cứ Quyết định số 4107/QĐ-UBND, ngày 18/12/2008 của UBND tỉnh Thanh Hoá về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của UBND cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ;

Căn cứ các quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 5606/UBND-NN ngày 01/6/2016 về việc chủ trương lập dự án; số 4515/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 về việc phê duyệt dự án; số 1353/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình cơ sở hạ tầng giao thông thuộc dự án di dân tái định cư lòng hồ Yên Mỹ từ cao trình (+18.50)m đến cao trình (+20.36)m;

Căn cứ các văn bản của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa: Số 15/SNN&PTNT-KHTC ngày 03/01/2018 về việc cử cán bộ tham gia công tác quản lý dự án; số 2690/SNN&PTNT-TCCB ngày 16/8/2018 về việc thay đổi cán bộ, công chức tham gia công tác quản lý dự án di dân tái định cư lòng hồ Yên Mỹ từ cao trình (+18.50)m đến cao trình (+20.36)m;

Căn cứ Quyết định số 1088/QĐ-SNN&PTNT ngày 29/12/2016 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT về việc giao Chi cục Phát triển nông thôn Thanh Hóa quản lý, thực hiện Dự án Di dân tái định cư lòng hồ Yên Mỹ từ cao trình (+18.50)m đến cao trình (+20.36)m;

Căn cứ Quyết định số 162/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/3/2019 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2019 của Dự án di dân tái định cư lòng hồ Yên Mỹ từ Cao trình (+18.50)m đến (+20.36)m;

Căn cứ Văn bản số 1824/STC-ĐT ngày 15/5/2019 của Sở Tài chính về việc chi phí thực hiện công tác giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình,

Xét đề nghị của Chi cục PTNT Thanh Hóa tại Tờ trình số 33/TTr-PTNT ngày 23/5/2019 (kèm theo hồ sơ) về việc xin phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2019 của Dự án di dân tái định cư lòng hồ Yên Mỹ từ Cao trình (+18.50)m đến (+20.36)m.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2019 Dự án di dân tái định cư lòng hồ Yên Mỹ từ Cao trình (+18.50)m đến (+20.36)m cho Chi cục PTNT tổ chức quản lý, thực hiện, như sau:

- Giá trị dự toán đã phê duyệt tại Quyết định số 162/QĐ-SNN&PTNT ngày 26/3/2019: 415.300.000 đồng.

- Giá trị dự toán phê duyệt điều chỉnh là: 309.773.800 đồng (Ba trăm linh chín triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn tám trăm đồng chẵn).

* Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh giảm dự toán chi năm 2019 là 105.526.200 đồng; do tại Văn bản số 1824/STC-ĐT ngày 15/5/2019 của Sở Tài chính Thanh Hóa hướng dẫn các chủ đầu tư không được trích kinh phí thực hiện công tác giám sát, đánh giá dự án đầu tư xây dựng công trình đã phê duyệt riêng vào nguồn thu của Ban QLDA vì chi phí QLDA được trích theo quy định đã bao gồm chi phí này.

Chi tiết như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
A	DỰ TOÁN THU	309.773.800
	Tổng cộng	309.773.800
1	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	309.773.800
B	DỰ TOÁN CHI	309.773.800
	Tổng cộng	309.773.800
I	Chi phí Ban QLDA	309.773.800
1	Tiền công	36.591.750
2	Các khoản phụ cấp lương	224.714.824
3	Các khoản trích nộp theo lương	7.867.226
4	Thanh toán dịch vụ công cộng	10.000.000
5	Chi mua vật tư văn phòng	2.600.000
6	Chi công tác phí	25.000.000
7	Chi sửa chữa tài sản	3.000.000

(Có Biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2: Giao Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

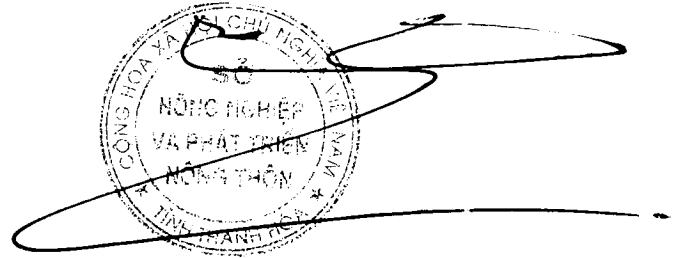
Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký,

Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Kho Bạc NN tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Lê Đức Giang

DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM 2019

Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa

Quản lý dự án: Chi cục PTNT Thanh Hóa

(kèm theo Quyết định số **315** /QĐ-SNN&PTNT ngày **07/6/2019**
của Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Năm báo cáo		Dự kiến mức chi năm kế hoạch	Ghi chú
		Dự toán được duyệt	Thực hiện		
	Tổng cộng	335.910.000	335.910.000	309.773.800	
1	Tiền công	18.099.900	16.199.000	36.591.750	Phụ Lục 1
2	Các khoản phụ cấp lương	198.918.621	189.833.200	224.714.824	
2.1	<i>Phụ cấp kiêm nhiệm</i>	<i>160.518.621</i>	<i>160.516.200</i>	<i>217.514.824</i>	Phụ Lục 1
2.2	<i>Phụ cấp làm thêm giờ</i>	<i>38.400.000</i>	<i>29.317.000</i>	<i>7.200.000</i>	
3	Các khoản trích nộp theo lương	3.891.479	5.791.400	7.867.226	Phụ Lục 1
4	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	33.000.000	25.042.500	10.000.000	
5	Chi mua vật tư văn phòng	15.000.000	3.555.000	2.600.000	
6	Chi thanh toán công tác phí	48.000.000	85.800.000	25.000.000	
7	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	9.000.000	4.988.900	3.000.000	
8	Chi phí khác	10.000.000	4.700.000		

BẢNG TÍNH TIỀN CÔNG, PHỤ CẤP KIỂM NHIỆM NĂM 2019

(kèm theo Quyết định số 315 /QĐ-SNN&PTNT ngày 07 /6/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa)

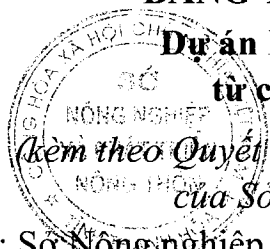
ĐVT: Đồng

Số TT	Họ và tên	Mã số ngành	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số phụ cấp thâm niên VK	Công hệ số	Tiền lương và phụ cấp 1 tháng	Số tháng	Tiền công	BHYT, BHXH, KPCD, BHYTN 21,5%	Phụ cấp kiểm nhiệm	
											Hệ số	Thành tiền
I	Tổng cộng								36.591.750	7.867.226		217.514.824
1	Cao Hoàng Sơn (hưởng 85% của 2,34 từ tháng 01 đến T5)		1,989			1,989	2.764.710	5	13.823.550	2.972.063		
	Tiền công		2,34			2,34	3.252.600	7	22.768.200	4.895.163		
II	Phụ cấp kiểm nhiệm Từ tháng 1 đến tháng 4/2019		64,98	4,10	0,14	69,22						103.844.120
1	Hoàng Thị Yên	01.003	6,10	0,70		6,80	9.452.000	4			0,15	5.671.200
2	Đặng Văn Quang	01.003	3,66	0,70		4,36	6.060.400	4			0,15	3.636.240
3	Hồ Chí Thanh	01.002	6,78	0,50		7,28	10.119.200	4			0,15	6.071.520
4	Nguyễn Huy Thành	01.003	4,32	0,50		4,82	6.699.800	2			0,15	2.009.940
5	Đỗ Văn Học	01.003	3,33	0,30		3,63	5.045.700	4			0,5	10.091.400
6	Nguyễn Thị Hạnh	01.003	3,86	0,20		4,06	5.643.400	4			0,5	11.286.800
7	Lê Minh Tuấn	01.003	3,33	0,10		3,43	4.767.700	4			0,5	9.535.400
8	Lê Văn Mạnh	01.003	3,00	0,20		3,20	4.448.000	4			0,5	8.896.000
9	Nguyễn Hạnh Phúc	01.003	4,98		0,09	5,07	7.047.300	4			0,5	14.094.600
10	Lê Thị Anh Hồng	01.003	3,00			3,00	4.170.000	4			0,5	8.340.000
11	Đỗ Thị May	01.003	2,34			2,34	3.252.600	4			0,5	6.505.200
12	Hoàng Văn Chuyên	01.003	4,32	0,30		4,62	6.421.800	4			0,15	3.853.080
13	Lê Thị Lệ Dung	01.003	4,32	0,30		4,62	6.421.800	4			0,15	3.853.080
14	Lê Thị Bích Thủy	01.003	4,98	0,30	0,05	5,33	7.408.700	4			0,15	4.445.220
15	Phạm Ngọc Sơn	01.003	3,33			3,33	4.628.700	4			0,15	2.777.220

Số TT	Họ và tên	Mã số ngạch	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số phụ cấp thâm niên VK	Cộng hệ số	Tiền lương và phụ cấp 1 tháng	Số tháng	Tiền công	BHYT, BHXH, KPCĐ, BHYTN 21,5%	Phụ cấp kiêm nhiệm	
											Hệ số	Thành tiền
16	Nguyễn Trọng Đại	01.003	3,33			3,33	4.628.700	4			0,15	2.777.220
II	Phụ cấp kiêm nhiệm Từ tháng 5 đến tháng 12/2019		65,64	4,10	0,14	69,88						113.670.704
1	Hoàng Thị Yên	01.003	6,10	0,70		6,80	9.452.000	8			0,1	7.561.600
2	Đặng Văn Quang	01.003	3,66	0,70		4,36	6.060.400	8			0,1	4.848.320
3	Hồ Chí Thanh	01.002	6,78	0,50		7,28	10.119.200	8			0,1	8.095.360
4	Nguyễn Huy Thành	01.003	4,32	0,50		4,82	6.699.800	8			0,1	5.359.840
5	Đỗ Văn Học	01.003	3,33	0,30		3,63	5.045.700	8			0,25	10.091.400
6	Nguyễn Thị Hạnh	01.003	3,86	0,20		4,06	5.643.400	8			0,25	11.286.800
7	Lê Minh Tuấn	01.003	3,33	0,10		3,43	4.767.700	8			0,25	9.535.400
8	Lê Văn Mạnh	01.003	3,00	0,20		3,20	4.448.000	8			0,25	8.896.000
9	Nguyễn Hạnh Phúc	01.003	4,98		0,09	5,07	7.047.300	5			0,25	8.809.104
10	Lê Thị Anh Hồng	01.003	3,00			3,00	4.170.000	8			0,25	8.340.000
11	Đỗ Thị May	01.003	2,34			2,34	3.252.600	8			0,25	6.505.200
12	Hoàng Văn Chuyên	01.003	4,65	0,30		4,95	6.880.500	8			0,1	5.504.400
13	Lê Thị Lệ Dung	01.003	4,65	0,30		4,95	6.880.500	8			0,1	5.504.400
14	Lê Thị Bích Thủy	01.003	4,98	0,30	0,05	5,33	7.408.700	8			0,1	5.926.960
15	Phạm Ngọc Sơn	01.003	3,33			3,33	4.628.700	8			0,1	3.702.960
16	Nguyễn Trọng Đại	01.003	3,33			3,33	4.628.700	8			0,1	3.702.960



BẢNG TÍNH KINH PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN



**Dự án Di dân Tái định cư lòng hồ Yên Mỹ
từ cao trình (+18.5)m đến (+20.36)m**

*(kèm theo Quyết định số 315 /QĐ-SNN&PTNT ngày 07/6/2019
của Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa)*

Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Thanh Hoá

Đơn vị quản lý dự án: Chi cục PTNT Thanh Hóa

Đơn vị tính: Đồng

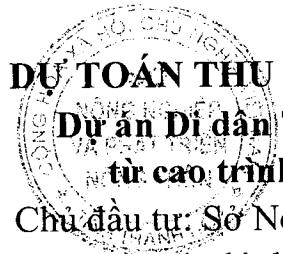
TT	Nội dung công việc, diễn giải	Kết quả
I	Chi phí quản lý dự án:	705.280.000
I	Chi phí quản lý dự án	705.280.000
1	Trích tại QĐ số 1353/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	705.280.000
II	Các khoản chi phí tư vấn đầu tư xây dựng do chủ đầu tư, Ban QLDA thực hiện:	272.720.000
1	Tư vấn khảo sát, lập phương án đầu tư trích tại QĐ số 4515/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa	272.720.000
III	Tổng mức kinh phí do chủ đầu tư, Ban QLDA được sử dụng	978.000.000
	Trong đó: - Chi cục PTNT sử dụng	978.000.000

DỰ KIẾN PHÂN BỐ CHO CÁC NĂM

Năm thực hiện	Phân bổ chung (đồng)	Sở Nông nghiệp và PTNT sử dụng (đồng)	Chi cục PTNT sử dụng (đồng)
Năm 2017	300.000.000		300.000.000
Năm 2018	335.910.000		335.910.000
Năm 2019	309.773.800		309.773.800
Năm 2020 trở về sau	32.316.200		32.316.200
Tổng cộng	978.000.000		978.000.000



Mẫu số: 02/DT-QLDA



DỰ TOÁN THU QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM 2019

**Dự án Di dân Tái định cư lòng hồ Yên Mỹ
từ cao trình (+18.5)m đến (+20.36)m**

Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa

Đơn vị quản lý dự án: Chi cục PTNT Thanh Hóa

(kèm theo Quyết định số 315 /QĐ-SNN&PTNT ngày 07/6/2019
của Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa)

ĐVT: Đồng

TT	Danh mục dự án	Tổng kinh phí sử dụng theo dự án	Luỹ kế kinh phí đã sử dụng các năm trước	Kinh phí dự kiến sử dụng năm kế hoạch		Kinh phí còn để sử dụng các năm sau
				Số tiền	Tỷ lệ %	
	Tổng cộng	978.000.000	635.910.000	309.773.800	31,67	32.316.200
I	Nguồn trích từ dự án được giao quản lý	978.000.000	635.910.000	309.773.800	31,67	32.316.200
1	Dự án Di dân Tái định cư lòng hồ Yên Mỹ từ cao trình (+18.5)m đến (+20.36)m	978.000.000	635.910.000	309.773.800	31,67	32.316.200